

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 6 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 06 năm 2015 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PhuThinh - NhaBe Garment Joint Stock Company, tên viết tắt là: NPS.

Trụ sở chính: Số 13A, Tổng Văn Trán, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: NPS.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên (Bỏ nhiệm kể từ ngày 18/6/2015)
Ông Nguyễn Văn Lợi	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/6/2015)
Ông Nguyễn Hùng Quý	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Trọng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Ủy viên

**Ban kiểm soát**

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi	Thành viên
Bà Vũ Kim Chi	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Ban Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Giám đốc (Bỏ nhiệm kể từ ngày 18/6/2015)
Ông Nguyễn Văn Lợi	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 18/6/2015)
Bà Nguyễn Thị Triệu	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/4/2015)
Bà Tống Thị Thùy	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/4/2015)
Ông Trần Công Viên	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/4/2015)

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Thị Thu Hương**  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Số. 137/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016*

---

**Nguyễn Thị Minh Anh****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2015-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>7.485.413.962</b>	<b>9.713.842.655</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>659.480.333</b>	<b>1.673.587.155</b>
1. Tiền	111		659.480.333	1.673.587.155
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.258.537.488</b>	<b>5.247.186.440</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.148.676.498	4.950.929.391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.000.000	32.762.248
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	87.860.990	263.494.801
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.567.396.141</b>	<b>2.474.573.812</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.4	3.567.396.141	2.474.573.812
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>318.495.248</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	-	19.865.865
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	298.629.383
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>68.743.019.025</b>	<b>69.597.634.022</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	3.000.000	3.000.000
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.197.690.431</b>	<b>4.488.749.750</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	4.025.376.536	4.275.858.713
- Nguyên giá	222		16.160.211.589	15.341.083.895
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.134.835.053)	(11.065.225.182)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	172.313.895	212.891.037
- Nguyên giá	228		284.040.000	284.040.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(111.726.105)	(71.148.963)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>56.171.057.057</b>	<b>56.171.057.057</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	56.171.057.057	56.171.057.057
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.8</b>	<b>7.734.612.496</b>	<b>7.734.612.496</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.805.900.000	7.805.900.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(71.287.504)	(71.287.504)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>636.659.041</b>	<b>1.200.214.719</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	636.659.041	1.200.214.719
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>76.228.432.987</b>	<b>79.311.476.677</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>42.715.171.832</b>	<b>42.406.651.705</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.968.409.750</b>	<b>16.659.889.623</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	614.856.394	423.509.265
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.142.941.394	39.384.268
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.444.372.417	802.673.009
4. Phải trả người lao động	314		3.803.019.254	5.761.957.037
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		211.008.600	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	352.637.906	368.405.791
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	9.146.340.475	8.892.389.955
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		253.233.310	371.570.298
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.746.762.082</b>	<b>25.746.762.082</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	25.746.762.082	25.746.762.082
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>33.513.261.155</b>	<b>36.904.824.972</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.15	<b>33.513.261.155</b>	<b>36.904.824.972</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.700.000.000	21.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.700.000.000	21.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.683.703.607	9.683.703.607
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.100.257.548	4.491.821.365
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kì trước	421a		731.171.365	1.120.824.194
- LNST chưa phân phối kì này	421b		369.086.183	3.370.997.171
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>76.228.432.987</b>	<b>79.311.476.677</b>

Người lập biểu

*(Signature)*

Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Giám đốc



*(Signature)*  
 Nguyễn Thị Thu Hương



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	42.458.439.576	58.398.142.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		42.458.439.576	58.398.142.321
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	36.463.291.071	46.579.227.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.995.148.505	11.818.915.059
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	566.136.090	626.653.537
7. Chi phí tài chính	22	5.19	939.525.231	679.689.541
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		663.071.216	410.368.959
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	1.071.550.956	1.952.243.953
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	4.333.638.252	5.729.073.295
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		216.570.156	4.084.561.807
11. Thu nhập khác	31	5.22	565.853.677	535.534.517
12. Chi phí khác	32	5.22	297.286.706	238.008.697
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		268.566.971	297.525.820
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		485.137.127	4.382.087.627
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	116.050.944	1.011.112.456
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		369.086.183	3.370.975.171
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	153	1.320

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Giám đốc

Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Thị Thu Hương



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	485.137.127	4.382.087.627
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	1.384.592.613	1.256.530.023
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(3.454.899)	41.827.978
- Lỗ/lãi từ hoạt động đầu tư	5	(314.706.898)	(422.887.016)
- Chi phí lãi vay	6	663.071.216	410.368.959
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	2.214.639.159	5.667.927.571
- Biến động các khoản phải thu	9	2.291.096.940	(1.232.073.443)
- Biến động hàng tồn kho	10	(1.092.822.329)	746.256.764
- Biến động các khoản phải trả	11	477.437.606	(832.145.601)
- Biến động chi phí trả trước	12	583.421.543	(169.364.571)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(663.071.216)	(410.368.959)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(421.137.705)	(1.485.009.069)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(623.986.988)	(1.039.513.657)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.765.577.010</b>	<b>1.245.709.035</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.226.127.539)	(1.183.489.100)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	17.727.273	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	429.573.870	422.887.016
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(778.826.396)</b>	<b>(760.602.084)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	25.429.179.585	25.030.540.564
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(25.175.229.065)	(24.471.606.842)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.254.519.250)	(3.254.520.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.000.568.730)</b>	<b>(2.695.586.278)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.013.818.116)</b>	<b>(2.210.479.327)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.673.587.155	3.883.807.378
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(288.706)	259.104
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>659.480.333</b>	<b>1.673.587.155</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Thị Thu Hương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B 09 - DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 6 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty là 21.700.000.000 đồng.

Sở hữu vốn

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	720.320	7.203.200.000	33,19%
Các cổ đông khác	1.449.680	14.496.800.000	66,81%
<b>Tổng</b>	<b>2.170.000</b>	<b>21.700.000.000</b>	<b>100 %</b>

Tên giao dịch của Công ty là PHUTHINH - NHABE GARMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: NPS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại 31/12/2015 là: 340 người (tại ngày 31/12/2014 là 429 người).

Trụ sở chính Công ty tại: số 13A, Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Sản xuất, mua bán hàng may mặc. Mua bán nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng ngành dệt may, ngành công nghiệp, ngành điện tử, ngành công nghệ thông tin, hàng kim khí điện máy. Giặt tẩy (không tẩy, nhuộm hồ in trên sản phẩm tại trụ sở). Thêu. In trên bao bì (không in tráng bao bì kim loại tại trụ sở). Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thủy nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là gia công hàng may mặc.

**1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT/BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem Thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31/12/2015.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31/12/2015.
- (iii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- (iv) Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp)**

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2014	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	21.380 VND/USD	21.380 VND/USD
31/12/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	22.450 VND/USD	22.540 VND/USD

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình là phần mềm Tuka Cad phục vụ cho ngành may. Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	07 - 15
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	03 - 04

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính Tuka Cad phục vụ ngành may được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 07 năm.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của dự án xây dựng chung cư đã được Ủy Ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại 13A Tổng Văn Trần, Phường 5, Quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư. Tại ngày 31/12/2015, dự án đang tạm dừng triển khai do thiếu vốn đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	173.535.755	316.995.045
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	485.944.578	1.356.592.110
<b>Tổng</b>	<b>659.480.333</b>	<b>1.673.587.155</b>

**5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>3.148.676.498</b>	<b>4.950.929.391</b>
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	2.290.206.742	2.180.696.802
Công ty TNHH E.land Việt Nam	858.469.756	-
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	-	692.909.461
Công ty TNHH Albeta International (Việt Nam)	-	379.867.103
Fresact Company., Ltd	-	1.514.004.664
Các đối tượng khác	-	183.451.361
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.290.206.742</b>	<b>2.180.696.802</b>
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	2.290.206.742	2.180.696.802
<b>Tổng</b>	<b>3.148.676.498</b>	<b>4.950.929.391</b>

**5.3 PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>87.860.990</b>	-	<b>263.494.801</b>	-
Tạm ứng	14.344.243	-	11.344.243	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	73.516.747	-	252.150.558	-
<b>Dài hạn</b>	<b>3.000.000</b>	-	<b>3.000.000</b>	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	3.000.000	-	3.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>90.860.990</b>	-	<b>266.494.801</b>	-

**5.4 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	642.033.521	-	83.688.526	-
Công cụ, dụng cụ	12.069.270	-	62.502.684	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.245.069	-	632.697.549	-
Thành phẩm	2.901.048.281	-	1.695.685.053	-
<b>Tổng</b>	<b>3.567.396.141</b>	-	<b>2.474.573.812</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

MÃU B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	5.848.907.651	7.821.932.684	1.258.679.160	411.564.400	15.341.083.895
Tăng trong năm	423.031.403	803.096.136	-	-	1.226.127.539
Mua trong năm	423.031.403	803.096.136	-	-	1.226.127.539
Giảm trong năm	-	406.999.845	-	-	406.999.845
Thanh lý, nhượng bán	-	406.999.845	-	-	406.999.845
Số dư tại 31/12/2015	6.271.939.054	8.218.028.975	1.258.679.160	411.564.400	16.160.211.589
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	5.187.512.480	4.978.586.186	506.866.739	392.259.777	11.065.225.182
Tăng trong năm	409.861.596	794.228.797	120.620.455	19.304.623	1.344.015.471
Khấu hao trong năm	409.861.596	794.228.797	120.620.455	19.304.623	1.344.015.471
Giảm trong năm	-	274.405.600	-	-	274.405.600
Thanh lý, nhượng bán	-	274.405.600	-	-	274.405.600
Số dư tại 31/12/2015	5.597.374.076	5.498.409.383	627.487.194	411.564.400	12.134.835.053
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2015	661.395.171	2.843.346.498	751.812.421	19.304.623	4.275.858.713
Tại 31/12/2015	674.564.978	2.719.619.592	631.191.966	-	4.025.376.536

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.055.401.555 VND (tại 31/12/2014: 3.175.168.355 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2015 đã đem đi cầm cố thế chấp vay: 3.481.806.541 VND (tại ngày 31/12/2014: 2.920.421.223 VND).

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm TukaCAD phục vụ ngành may	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2015	284.040.000	284.040.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	284.040.000	284.040.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2015	71.148.963	71.148.963
Tăng trong năm	40.577.142	40.577.142
Khấu hao trong năm	40.577.142	40.577.142
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	111.726.105	111.726.105
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2015	212.891.037	212.891.037
Tại 31/12/2015	172.313.895	172.313.895

5.7 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án xây dựng chung cư cao tầng Đầm Sen	56.171.057.057	56.171.057.057	56.171.057.057	56.171.057.057
<b>Tổng</b>	<b>56.171.057.057</b>	<b>56.171.057.057</b>	<b>56.171.057.057</b>	<b>56.171.057.057</b>

Dự án xây dựng chung cư đã được Ủy Ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại 13A Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư. Năm 2015, Dự án vẫn đang tạm dừng triển khai do thiếu vốn đầu tư.

5.8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015 (VND)			01/01/2015 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè	5.700.000.000	5.628.712.496	71.287.504	5.700.000.000	5.628.712.496	71.287.504
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng	1.605.900.000	1.605.900.000	-	1.605.900.000	1.605.900.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch La Gi	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>7.805.900.000</b>	<b>7.734.612.496</b>	<b>71.287.504</b>	<b>7.805.900.000</b>	<b>7.734.612.496</b>	<b>71.287.504</b>

5.8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	Khu phố 3, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7. TP.Hồ Chí Minh	11,40%	11,40%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. HCM	0,76%	0,76%	Sản xuất mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Du lịch Lagi	Thôn Mũi Đá, Xã Tân Phước, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận	4,17%	4,17%	Đại lý du lịch, kinh doanh nhà hàng ăn uống

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	19.865.865
<b>b) Dài hạn</b>		
Máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	636.659.041	1.200.214.719
<b>Tổng</b>	<b>636.659.041</b>	<b>1.220.080.584</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>614.856.394</b>	<b>614.856.394</b>	<b>423.509.265</b>	<b>423.509.265</b>
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần	203.550.074	203.550.074	25.618.005	25.618.005
Thương Mại Nhà Bè Công ty Cổ phần	-	-	35.761.000	35.761.000
May Gia Lai Công ty Cổ phần	-	-	27.863.000	27.863.000
May Phương Đông Công ty Cổ phần	94.316.264	94.316.264	-	-
Ngôi Sao Việt Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu SBI	56.478.862	56.478.862	-	-
Các đối tượng khác	51.831.840	51.831.840	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>614.856.394</b>	<b>614.856.394</b>	<b>423.509.265</b>	<b>423.509.265</b>
Trong đó:				
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>d. Số dư phải trả các bên liên quan</b>	<b>203.550.074</b>	<b>203.550.074</b>	<b>89.242.005</b>	<b>89.242.005</b>
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần	203.550.074	203.550.074	25.618.005	25.618.005
Thương Mại Nhà Bè Công ty Cổ phần	-	-	35.761.000	35.761.000
May Gia Lai Công ty Cổ phần	-	-	27.863.000	27.863.000

**5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
	<b>Phải nộp</b>	<b>802.673.009</b>	<b>1.882.429.542</b>	<b>1.240.730.134</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	1.560.576.287	699.435.999	861.140.288
Thuế xuất nhập khẩu	-	80.355.378	80.355.378	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.914.672	116.050.944	421.137.705	108.827.911
Thuế thu nhập cá nhân	388.758.337	122.446.933	36.801.052	474.404.218
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>802.673.009</b>	<b>1.882.429.542</b>	<b>1.240.730.134</b>	<b>1.444.372.417</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.12 PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản phải trả	352.637.906	368.405.791
Kinh phí công đoàn	150.448.000	124.005.000
Bảo hiểm xã hội	187.334	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	197.002.572	239.400.791
- Trong đó có tức phải trả là	191.501.000	191.066.000
- Phải trả khác là	5.501.572	48.334.791
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>352.637.906</b>	<b>368.405.791</b>

**5.13 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	9.146.340.475	9.146.340.475	25.429.179.585	25.175.229.065	8.892.389.955	8.892.389.955
<b>Tổng</b>	<b>9.146.340.475</b>	<b>9.146.340.475</b>	<b>25.429.179.585</b>	<b>25.175.229.065</b>	<b>8.892.389.955</b>	<b>8.892.389.955</b>

Công ty vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 269/KH/15NH ngày 09 tháng 12 năm 2015. Hạn mức cấp tín dụng của hợp đồng là 10.000.000.000 VND đến hết 31 tháng 12 năm 2016. Mục đích cho vay là bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên B với bên thứ ba, thực hiện bao thanh toán theo quy định. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được bảo lãnh bằng hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0314/NHNT ngày 09/12/2015; hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0228/NHNT ngày 08/09/2014 với tổng giá trị còn lại tại 31/12/2015 là 3.481.806.541 VND và chứng thư bảo lãnh số 145/NBC của Công Ty Cổ phần May Nhà Bè.

**5.14 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Đây là khoản tiền hỗ trợ không tính lãi suất của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nhà Bè cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè để tiến hành các thủ tục đầu tư, xây dựng Dự án Cao ốc thương mại và Căn hộ tại Khu đất số 13A, Tổng Văn Trấn, phường 05, Quận 11 theo thỏa thuận giữa hai bên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

MÃU B 09 - DN

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng VND
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>21.700.000.000</b>	<b>1.029.300.000</b>	<b>7.048.972.837</b>	<b>2.922.678.010</b>	<b>4.868.739.192</b>	<b>37.569.690.039</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.370.997.173	3.370.997.173
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	3.370.997.171	3.370.997.171
Tăng khác	-	-	-	-	2	2
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>287.947.240</b>	<b>3.747.915.000</b>	<b>3.747.915.000</b>
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	3.255.000.000	3.255.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	492.915.000	492.915.000
Chi phạt thuế	-	-	-	287.947.240	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>21.700.000.000</b>	<b>1.029.300.000</b>	<b>7.048.972.837</b>	<b>2.634.730.770</b>	<b>4.491.821.365</b>	<b>36.904.824.972</b>
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>21.700.000.000</b>	<b>1.029.300.000</b>	<b>9.683.703.607</b>	-	<b>4.491.821.365</b>	<b>36.904.824.972</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-	369.086.183	369.086.183
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	369.086.183	369.086.183
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>3.760.650.000</b>	<b>3.760.650.000</b>
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	3.255.000.000	3.255.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	505.650.000	505.650.000
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>21.700.000.000</b>	<b>1.029.300.000</b>	<b>9.683.703.607</b>	-	<b>1.100.257.548</b>	<b>33.513.261.155</b>

Công ty trích lập quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 25 tháng 4 năm 2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	7.203.200.000	7.203.200.000
Vốn góp của đối tượng khác	14.496.800.000	14.496.800.000
<b>Tổng</b>	<b>21.700.000.000</b>	<b>21.700.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	21.700.000.000	21.700.000.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	21.700.000.000	21.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia của năm trước	3.255.000.000	3.255.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.170.000	2.170.000
Cổ phiếu phổ thông	2.170.000	2.170.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.170.000	2.170.000
Cổ phiếu phổ thông	2.170.000	2.170.000

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu*

**e. Các quỹ doanh nghiệp**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.683.703.607	9.683.703.607
<b>Tổng</b>	<b>9.683.703.607</b>	<b>9.683.703.607</b>

**5.16 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu gia công nội địa	27.047.640.599	12.380.528.963
Doanh thu gia công xuất khẩu	5.010.099.897	31.412.189.038
Doanh thu làm hàng nội địa	82.922.795	264.858.066
Doanh thu làm hàng xuất khẩu	6.399.406.114	2.388.937.437
Doanh thu đưa ngoài gia công	3.918.370.171	11.649.698.395
Doanh thu khác	-	301.930.422
<b>Tổng</b>	<b>42.458.439.576</b>	<b>58.398.142.321</b>

***Trong đó doanh thu của các bên liên quan***

Tổng công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	18.462.799.010	2.836.743.542
Công ty Cổ phần May Gia Lai	1.813.885.939	-
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè	280.299.480	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Nhà Bè	70.810.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn gia công nội địa	21.709.722.617	9.829.289.326
Giá vốn gia công xuất khẩu	4.104.995.191	24.042.235.753
Giá vốn làm hàng nội địa	58.607.089	526.269.295
Giá vốn làm hàng xuất khẩu	6.928.306.483	2.113.942.822
Giá vốn đưa ngoài gia công	3.661.659.691	10.067.490.066
<b>Tổng</b>	<b>36.463.291.071</b>	<b>46.579.227.262</b>

**5.18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.198.870	5.512.016
Cổ tức, lợi nhuận được chia	417.375.000	417.375.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	129.583.387	203.766.521
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.978.833	-
<b>Tổng</b>	<b>566.136.090</b>	<b>626.653.537</b>

**5.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	663.071.216	410.368.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá	276.454.015	269.320.582
<b>Tổng</b>	<b>939.525.231</b>	<b>679.689.541</b>

**5.20 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	702.761.670	867.005.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	368.789.286	1.085.238.048
<b>Tổng</b>	<b>1.071.550.956</b>	<b>1.952.243.953</b>

**5.21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.493.817.332	4.563.054.657
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	79.348.492	209.678.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	139.925.078	158.707.955
Thuế phí và lệ phí	31.298.879	18.544.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	355.136.333	303.983.684
Chi phí bằng tiền khác	234.112.138	475.104.681
<b>Tổng</b>	<b>4.333.638.252</b>	<b>5.729.073.295</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.22 LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu nhập từ bán phế liệu	81.395.681	53.336.039
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	50.000.005	54.545.460
Thu hồi tiền đào tạo công nhân nghỉ việc	51.048.830	98.971.145
Thu lại tiền chi phí xuất nhập khẩu	194.340.378	194.053.795
Xử lý công nợ	86.219.970	23.888.994
Các khoản khác	102.848.813	110.739.084
<b>Tổng</b>	<b>565.853.677</b>	<b>535.534.517</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Giá trị còn lại tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	114.866.972	-
Chi tiền chi phí xuất nhập khẩu	77.732.299	-
Các khoản khác	104.687.435	238.008.697
<b>Tổng</b>	<b>297.286.706</b>	<b>238.008.697</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>268.566.971</b>	<b>297.525.820</b>

**5.23 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	485.137.127	4.382.087.627
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>459.742.162</i>	<i>631.253.085</i>
Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	348.000.000	328.508.000
Chi phí không đầy đủ hóa đơn chứng từ	111.742.162	302.745.085
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>417.375.000</i>	<i>417.375.000</i>
Thu nhập từ nhận cổ tức	417.375.000	417.375.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>527.504.289</b>	<b>4.595.965.712</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>116.050.944</b>	<b>1.011.112.456</b>

**5.24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	369.086.183	3.370.975.171
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(36.908.618)	(505.650.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	332.177.565	2.865.325.171
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.170.000	2.170.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>153</b>	<b>1.320</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHỦ THỊNH - NHÀ BÈ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.25 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.843.649.493	4.894.112.551
Chi phí nhân công	24.173.711.399	30.255.128.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.384.592.613	1.256.530.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.850.202.308	14.472.348.973
Chi phí khác bằng tiền	2.071.208.243	2.646.071.764
<b>Tổng</b>	<b>40.323.364.056</b>	<b>53.524.192.074</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông*

Bên liên quan	Tính chất	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	Lương, thưởng và thù lao	1.033.482.372	1.161.611.386

*Giao dịch với các bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b><u>Giao dịch mua</u></b>				
		Mua máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, bao bì	145.090.876	21.090.909
Tổng công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	Thành viên góp vốn	Thuê máy móc thiết bị, chi phí xuất nhập khẩu hàng hóa, tiền ăn	16.665.550	40.428.000
		Mua áo sơ mi	3.818.190	1.363.636.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Cùng hệ thống	Phí logistic, vận chuyển, bốc xếp	34.656.338	49.277.477
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Cùng hệ thống	Phí vận chuyển		-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Truyền Thông Và Du Lịch NBC	Cùng hệ thống	Phí gia công may, mua bảo hộ lao động	139.903.000	33.418.800
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Cùng hệ thống	Phí duy trì cập nhật thông tin website	24.000.000	52.850.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Cùng hệ thống	May gia công	-	7.285.361.738
		Mua máy móc thiết bị	-	1.762.752.800
Công ty Cổ phần Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Cùng hệ thống	Mua máy móc, vải và dịch vụ sửa chữa cái tạo kho thành phẩm	392.941.403	3.376.000
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Cùng hệ thống	May gia công	-	420.931.050
<b><u>Giao dịch bán</u></b>				
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Cùng hệ thống	Bán máy móc thiết bị	77.272.727	-

**6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	659.480.333	1.673.587.155
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.225.193.245	5.206.079.949
Đầu tư tài chính dài hạn	1.605.900.000	1.605.900.000
<b>Tổng</b>	<b>5.490.573.578</b>	<b>8.485.567.104</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	9.146.340.475	8.892.389.955
Phải trả người bán và phải trả khác	26.714.256.382	26.538.677.138
Chi phí phải trả	211.008.600	-
<b>Tổng</b>	<b>36.071.605.457</b>	<b>35.431.067.093</b>

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	4.630.479.813	8.931.774.225	164.205.607	2.786.027.212
Euro (EUR)	-	-	6.702.406	7.384.618
<b>Tổng</b>	<b>4.630.479.813</b>	<b>8.931.774.225</b>	<b>170.908.013</b>	<b>2.793.411.830</b>

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

## 6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

## Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	967.494.300	25.746.762.082	26.714.256.382
Chi phí phải trả	211.008.600	-	211.008.600
Các khoản vay	9.146.340.475	-	9.146.340.475
<b>Tổng</b>	<b>10.324.843.375</b>	<b>25.746.762.082</b>	<b>36.071.605.457</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	791.915.056	25.746.762.082	26.538.677.138
Các khoản vay	8.892.389.955	-	8.892.389.955
<b>Tổng</b>	<b>9.684.305.011</b>	<b>25.746.762.082</b>	<b>35.431.067.093</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	659.480.333	-	659.480.333
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.222.193.245	3.000.000	3.225.193.245
Đầu tư tài chính	-	1.605.900.000	1.605.900.000
<b>Tổng</b>	<b>3.881.673.578</b>	<b>1.608.900.000</b>	<b>5.490.573.578</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.673.587.155	-	1.673.587.155
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.203.079.949	3.000.000	5.206.079.949
Đầu tư tài chính	-	1.605.900.000	1.605.900.000
<b>Tổng</b>	<b>6.876.667.104</b>	<b>1.608.900.000</b>	<b>8.485.567.104</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.3 THÔNG TIN SO SÁNH**

Thông tin so sánh là thông tin trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT/BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 như sau:

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2015 Theo Thông tư 200 VND	Tại 01/01/2015 Theo Quyết định 15 VND
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>		
<b>TÀI SẢN</b>		
Phải thu ngắn hạn khác	263.494.801	252.150.558
Tài sản ngắn hạn khác	-	11.344.243
Phải thu dài hạn khác	3.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	3.000.000
<b>Tổng phân loại tài sản</b>	<b>266.494.801</b>	<b>266.494.801</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		
Quỹ đầu tư phát triển	9.683.703.607	7.048.972.837
Quỹ dự phòng tài chính	-	2.634.730.770
<b>Tổng phân loại nguồn vốn</b>	<b>9.683.703.607</b>	<b>9.683.703.607</b>

Chỉ tiêu	Năm 2014 Theo Thông tư 200 VND/CP	Năm 2014 Theo Quyết định 15 VND/CP
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.320	1.553

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Thị Thu Hương